

Số: 75/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ
di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép
chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

*Căn cứ Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính
phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;*

*Xét Tờ trình số 10381/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định khu vực không
được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu
vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định khu vực trên địa bàn tỉnh Phú Thọ không
được phép chăn nuôi các loại vật nuôi bao gồm gia súc, gia cầm và các loại động
vật khác trong chăn nuôi; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu
vực không được phép chăn nuôi.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm
cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động
vật khác trong chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn
tỉnh Phú Thọ.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy
định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác trong chăn nuôi tại các khu vực được quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại khoản 1 Điều này phải ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm phù hợp.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.
- b) Tự thực hiện tháo dỡ, di dời cơ sở chăn nuôi.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ có trọng tâm, có thời hạn phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

b) Mỗi cơ sở thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Trường hợp cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

c) Chính sách hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi hoàn thành việc tháo dỡ, di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Các cơ sở chăn nuôi đã được nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 432/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không được nhận hỗ trợ tại nghị quyết này.

4. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng/một cơ sở chăn nuôi.

5. Nguồn kinh phí: Nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

c) Nghị quyết số 432/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình sửa đổi, bổ sung Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

3. Đối với những hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa được hỗ trợ theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 432/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình thì tiếp tục được thực hiện hỗ trợ theo các quy định tại thời điểm nhận hồ sơ cho đến khi hoàn thành việc hỗ trợ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu VT, HC² HĐ¹¹.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

Phụ lục**KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

(Kèm theo Nghị quyết số 75/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Xã, Phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Phường Việt Trì	Các Khu dân cư (10 khu): Hòa Phong, Thông Đậu; Minh Bọt, Hồng Hải, Thành Công, Đoàn Kết, Hương Trâm, Bảo Đà, Dữu Lâu, 10 (thuộc xã Trưng Vương cũ).
2	Phường Thanh Miếu	Các Khu dân cư (22 khu): Hồng Hà, Tiên Phú, Thi đua, Thành Công, Mai Sơn 1, Mai Sơn 2, Âu Cơ, Minh Hà 1, Minh Hà 2, Sông Thao, Thành Công, Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Khu 1, Khu 3, Khu 4, Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9, Khu 11.
3	Phường Phong Châu	Các Khu dân cư (07 khu): Phú Hà, Phú Cường, Phú Lợi, Phú An, 11, 12, 13.
4	Phường Âu Cơ	Các Khu dân cư (07 khu): Nguyễn Trãi, Cao Du, Tân Hưng, Tân Bình, Quang Trung, Nguyễn Du, Lê Đồng.
5	Phường Vĩnh Phúc	Các Tổ dân phố (43 tổ): Láp Trại, Làng Thủy, Chùa Láp, Trần Phú, Láp Trên, An Lập, Bà Triệu, 18, Chợ Tổng, Bảo Linh, Mê Linh, Bảo Sơn, Đình Láp, Phố Láp, Xuân Mai, Nguyễn Viết Xuân, Chiền, Nguyễn Thái Học, Vĩnh Thành, Lê Xoay, Tân Lập, Tân Phúc, Tân Đình, Vĩnh Tân, Trần Quốc Toản, Lý Tự Trọng, Tô Hiệu, Phố Mới, Phố Dinh, Trần Quốc Tuấn, Đàm Vạc, Sậu, An Định, An Sơn, Gầu, Sơn Cao, Nguyễn Viết Xuân, Mê Linh, Minh Quyết, Đình Ấm, Góc Đề, Thanh Giã 1, Thanh Giã 2.
6	Phường Vĩnh Yên	Các Tổ dân phố (11 tổ): Hùng Vương, Đông Thành; Quán Tiên, Tiên Sơn, Yên, Vĩnh Thịnh 1, Vĩnh Thịnh 2, Vĩnh Thịnh 3, Vĩnh Thịnh 4, Gạch, Lam Sơn.
7	Phường Phúc Yên	Các Tổ dân phố (41 tổ): Số 1-Hùng Vương, Số 2-Hùng Vương, Số 3-Hùng Vương, Số 4-Hùng Vương, Số 5-Hùng Vương, Số 6-Hùng Vương, Số 7-Hùng Vương, Số 8-Hùng Vương, Số 9-Hùng Vương, Số 1-Trung Trắc, Số 2-Trung Trắc, Số 3-Trung Trắc, Số 4-Trung Trắc, Số 5-Trung Trắc, Số 6-Trung Trắc, Số 7-Trung Trắc, Số 8-Trung Trắc, Số 9-Trung Trắc, Số 10-Trung Trắc, Số 1-Trung Nhị, Số 2-Trung Nhị, Số 3-Trung Nhị, Số 4-Trung Nhị, Số 5-Trung Nhị, Số 6-Trung Nhị, Số 7-Trung Nhị, Số 8-Trung Nhị, tổ 3 Đạm Nội, 4 Đạm Nội, Kim Xuyên, Đạm Phú, Cả Đông, Cả Đoài, Xuân Mai 1, Xuân Mai 2, Xuân Mai 3, Xuân Mới, Xuân Yên, Xuân Đức, Xuân Thượng 1, Xuân Thượng 2.

STT	Xã, Phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
8	Phường Xuân Hòa	Các Tổ dân phố (15 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2.
9	Phường Hòa Bình	- Các Tổ dân phố (18 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 (thuộc phường Phương Lâm cũ); - Các Tổ dân phố (14 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 (thuộc phường Đồng Tiến cũ); - Các Tổ dân phố (06 tổ): 4, 5, 6, 7, 8, 9 (thuộc phường Quỳnh Lâm cũ); - Các Tổ dân phố (04 tổ): Tân Lập 1, Tân Lập 2, Ngọc 1, Ngọc 2 (thuộc phường Trung Minh cũ); - Các Tổ dân phố (04 tổ): 9, 11, 13, 14 (thuộc phường Hữu Nghị cũ); - Các Tổ dân phố (03 tổ): 3, 6, 14 (thuộc phường Thịnh Lang cũ); - Các Tổ dân phố (18 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19 (thuộc phường Tân Thịnh cũ).
10	Phường Kỳ Sơn	Tổ 1, Tổ 2.
11	Xã Lâm Thao	Các Khu dân cư (11 khu): Thùy Nhật, Khu 12, Lâm Thao, Lâm Nghĩa, Phương Lai, Tiến Mới; các khu 5, 6, 9, 10, 11 (thuộc thị trấn Hùng Sơn cũ).
12	Xã Đoan Hùng	Các Khu dân cư (05 khu): 5 (thuộc thị trấn Đoan Hùng cũ); 8, 10 (thuộc xã Ngọc Quan cũ); Thọ Sơn, Phú Thịnh.
13	Xã Chân Mộng	Các khu dân cư (08 khu): 6 (thuộc xã Minh Phú cũ), 5 (thuộc xã Chân Mộng cũ), 6 (thuộc xã Tiêu Sơn cũ), 5 (thuộc xã Yên Kiện cũ), 3 (thuộc xã Vân Đồn cũ), Tân Minh (thuộc xã Hùng Long cũ), 5 (thuộc xã Vụ Quang cũ), 3 (thuộc xã Minh Tiến cũ).
14	Xã Tam Sơn	Thôn Then, Thôn Lạc Kiều.
15	Xã Tam Dương	Thôn Giữa, Thôn Phố Me, Thôn Điền Lương.
16	Xã Hội Thịnh	Các khu dân cư (06 khu): Tân Thịnh, Lê Lợi, Thọ Khánh, Quang Trung, Hưng Thịnh, Lạc Thịnh.
17	Xã Yên Lạc	Thôn Vĩnh Đoài 3.
18	Xã Bình Tuyền	Thôn Tân Lập.
19	Xã Cao Phong	- Các Tổ dân cư thuộc Khu 1 (04 tổ): 1, 2, 3, 4; - Các Tổ dân cư thuộc Khu 2 (14 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14; - Các Tổ dân cư thuộc Khu 3 (06 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6; - Các Tổ dân cư thuộc Khu 4 (07 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; - Các Tổ dân cư thuộc Khu 5 (11 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11;

STT	Xã, Phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
		- Các Tổ dân cư thuộc Khu 6 (09 tổ): 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; - Các Tổ dân cư thuộc Khu 7 (04 tổ): 1, 2, 3, 4.
20	Xã Đà Bắc	Các Tiểu khu (07 tiểu khu): Kim Lý, Công, Mu, Liên Phương, Thạch Lý, Bờ, Đoàn Kết.
21	Xã Lạc Thủy	Các Khu (08 khu): 1, 2, 3, 7, 8, 9, 10, Chéo Vòng.
22	Xã An Nghĩa	Các Thôn (05 thôn): Đồng Tâm, Đoàn Kết, Thắng Lợi, Đồi, Quyết Tiến.
23	Xã Lương Sơn	Các Tiểu khu (11 tiểu khu): 2, 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, Mỏ.
24	Xã Tân Lạc	Các Khu (07 khu): Tân Thịnh, Tâm Đức, Tân Hòa, Thanh Định, Minh Khai, Thanh Bình, An Thịnh.
Tổng số: 355 khu vực		